

Bản án số: **145/2023/HS-ST**
Ngày: 05-7-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Điệp
2. Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại Trung tâm văn hóa xã P, huyện N, tỉnh Đ, Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 148/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Đỗ Văn N, sinh năm 1982 tại tỉnh Đ. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Ch (chết) và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo sống chung như vợ chồng với Tạ Thị Nhất L, có 03 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2014).

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/11/2001, Đỗ Văn N bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xử phạt 6 tháng tù về tội “Gây gổ trật tự công cộng” tại Bản án số 41/HSST, buộc nộp án phí 50.000 đồng.

- Ngày 21/01/2002, Đỗ Văn N bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xử phạt 16 tháng tù về tội “Gây gổ trật tự công cộng” tại Bản án số 01/HSST, đồng thời tổng hợp hình phạt của Bản án số 41/HSST ngày 27/11/2001 buộc N phải chấp hành hình phạt chung là 22 tháng tù. Đến ngày 24/7/2003, N chấp hành xong bản án.

- Ngày 30/3/2005, Đỗ Văn N bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục. Đến ngày 11/4/2007 thì N chấp hành xong.

- Ngày 30/9/2009, Đỗ Văn N bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 29/2009/HSST. Đến ngày 18/6/2011, N chấp hành xong bản án.

- Ngày 20/12/2020, Đỗ Văn N bị Công an huyện N, tỉnh Đ ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác. Ngày 27/01/2021, N đã hoàn thành nghĩa vụ đóng tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/02/2023, Đỗ Văn N gọi điện thoại di động cho H (không rõ nhân thân, lai lịch) hẹn gặp để mua ma túy về sử dụng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario màu cam biển số: 60G1-381.75 đến tổ 2, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ mua của H 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng, N cất giấu gói ma túy vào túi quần bên phải. Đến 12 giờ cùng ngày, N mang theo gói ma túy đến tổ 15, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nylon hàn kín bên trong có chứa các hạt tinh thể rắn màu trắng, kích thước 02 cm x 03 cm.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario màu cam, biển số 60-G1 381.75 qua xác minh thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thủy T.

- 01 điện thoại di động hiệu Vertu China, màu trắng là tài sản thuộc quyền sở hữu của N sử dụng vào việc phạm tội.

* Tại Kết luận giám định số 262/KL-KTHS ngày 20/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 0,4622 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4238 gam”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định nêu trên.

* Tại bản cáo trạng số 140/CT-VKS-NT ngày 05/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa xét xử, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố đối bị cáo về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản Điều 51, Điều 38 Bộ

luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 18 đến 24 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị Toà tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định (được niêm phong số 262/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ).

+ Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Vertu China, màu trắng của N.

Sau khi nghe xong bản luận tội, bị cáo Đỗ Văn N không có ý kiến gì và không tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo N tại phiên tòa: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào lúc 12 giờ ngày 12/02/2023, tại tổ 15, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đ, Đỗ Văn N đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,4622 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo có tại hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ thu thập trong vụ án, lời khai của bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đỗ Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cáo trạng số 140/CT-VSK.NT ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: bị cáo Đỗ Văn N có nhân thân xấu.

Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng chất ma túy và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất

ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì thỏa mãn mục đích cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi bất chấp hậu quả xảy ra thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không bị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Mẫu vật ma túy còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4238 gam được niêm phong số 262/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ là tang vật vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Vertu China, màu trắng của N là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[5]. Đối với nam thanh niên tên H đã bán ma túy cho Đỗ Văn N, do chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiếp tục xác minh điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6]. Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario màu cam, biển số 60-G1 381.75 qua xác minh thuộc quyền sở hữu của chị Nguyễn Thị Thủy T. Chị T không biết N mượn xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã xử lý vật chứng trả lại tài sản cho chị Tiên là phù hợp pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn N 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/02/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng: 0,4238 gam được niêm phong số 262/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vertu China, màu trắng của Đỗ Văn N.

(Vật chứng trên đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2023; tình trạng vật chứng: Gói niêm phong còn nguyên dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ).

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai